

Vai trò của PG trong cách mạng dân tộc dân chủ ở Việt Nam giai đoạn 1945-1954

ISSN: 2734-9195 08:00 13/09/2025

Có thể nói, vai trò của Phật giáo trong cách mạng dân tộc giai đoạn 1945-1975 đã để lại những bài học kinh nghiệm quý báu cho Phật giáo Việt Nam và cách mạng Việt Nam. Phật giáo muốn trường tồn phải gắn bó đồng hành cùng dân tộc.

Tác giả: **TS. Nguyễn Văn Quý**

Tham luận tại Hội thảo khoa học "Đạo Phật Với Cách Mạng Việt Nam" tổ chức ngày 25/08/2025, tại chùa Quán Sứ, Hà Nội

1. Ủng hộ kháng chiến, xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc

1.1 Ủng hộ kháng chiến

Ngay sau Cách mạng tháng Tám thành công, trong phiên họp đầu tiên của Hội đồng Chính phủ lâm thời ngày 3/9/1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh phát biểu như sau: "Tôi đề nghị Chính phủ ta tuyên bố: tín ngưỡng tự do và lương giáo đoàn kết" và sau đó là các văn bản quy phạm pháp luật, tiêu biểu như Hiến pháp năm 1946 của nước Việt Nam Dân chủ Cộng (1), Sắc lệnh 234/SL do Chủ tịch Hồ Chí Minh ký ngày 14/6/1955 về vấn đề tôn giáo (2) thể hiện cụ thể về quyền tự do tín ngưỡng tôn giáo của nhân dân và đây là một trong những tiền đề quan trọng để Phật giáo nhập thế tích cực và có những đóng góp quan trọng cho cách mạng Việt Nam, cho dân tộc Việt Nam.



(Ảnh: Internet)

Trong kháng chiến chống thực dân Pháp, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nhiều lần thay mặt Đảng, Chính phủ kêu gọi đồng bào ủng hộ các chương trình hành động của Việt Minh, tiêu biểu như “đất nước độc lập”, “người cày có ruộng”, “tự do tín ngưỡng, tôn giáo”,... Có thể nói, những lời kêu gọi của Người được đông đảo người dân ủng hộ, nhất là tín đồ Phật giáo. Bởi những chương trình hành động của Đảng, Chính phủ đáp ứng được tâm tư, nguyện vọng của nhân dân và của những người có đạo.

Đối với Phật giáo Việt Nam, ngoài ủng hộ những lời kêu gọi của Đảng, Chính phủ thì nhiều tổ chức Phật giáo được thành lập trong thời gian này. Sở dĩ, nhiều tổ chức Phật giáo ra đời, một mặt nhằm đã quy tụ nhiều tăng ni, Phật tử tham gia cách mạng, ủng hộ kháng chiến, mặt khác phá tan âm mưu của kẻ thù: “Trước những âm mưu, hành động của thực dân Pháp và chính quyền Bảo Đại nhằm đẩy lùi ảnh hưởng của Phật giáo, giới Phật giáo Việt Nam đã đứng lên đấu tranh cho quyền lợi dân chủ của mình” (3). Có thể kể đến một số tổ chức Phật giáo tiêu biểu như: ở miền Bắc Việt Nam là Hội Phật giáo Việt Nam, Hội Phật tử Việt Nam thành lập năm 1949, Hội Tăng già Bắc Việt thành lập năm 1950, Ban Hướng dẫn Gia đình Phật hóa phổ Bắc Việt ra đời năm 1950; ở miền Trung và miền Nam Việt Nam, có thể kể đến Hội Phật học Việt Nam, Hội Tăng già Trung Việt, Hội Phật tử Nam Việt, Giáo hội Tăng già Nam Việt.

Đặc biệt, có những tổ chức Phật giáo có quy mô toàn quốc như Tổng hội Phật giáo Việt Nam thành lập vào năm 1951, Giáo hội Tăng già Toàn quốc thành lập năm 1952,... Như thế, các tổ chức Phật giáo ra đời còn là sự khẳng định quyền tự do tôn giáo mà Đảng và Chính phủ và nâng cao vai trò của Phật giáo trong

cách mạng dân tộc dân chủ ở Việt Nam.

Trên phương diện ủng hộ kháng chiến, chẳng hạn, theo một nghiên cứu cho biết hành động của Phật giáo Việt Nam trong việc hưởng ứng lời kêu gọi của Đảng và Chính phủ Việt Nam về tiêu thổ kháng chiến: “Hội Phật giáo Việt Nam đã hủy máy in của Nhà in Đuốc Tuệ và nhiều cơ sở vật chất khác của Hội để ủng hộ cách mạng, kháng Pháp.

Nhiều ngôi chùa ở Bắc Bộ đã tự tháo dỡ nhằm ngăn bước tiến quân thù. Trước yêu cầu sản xuất vũ khí, đạn dược phục vụ kháng chiến, các chùa Khánh Long, Văn Bản ở huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi đã ủng hộ nhiều chuông, khánh và tự khí bằng đồng. Các chùa ở tỉnh Mỹ Tho đã hiến cho binh công xưởng 64 quả chuông. Các chùa ở tỉnh Sa Đéc hiến trên hai tấn đồ đồng. Các chùa ở tỉnh Thủ Dầu Một đã tặng một số quả chuông. Tại tỉnh Biên Hòa, nhiều chùa, tiêu biểu như chùa Phước Nhĩ, xã Phước Thiện, huyện Long Thành, đã ủng hộ lư hương, chân đèn, chuông đồng cho cách mạng để đúc vũ khí” (4).

Trên phương diện lịch sử, có thể thấy rõ vai trò của Phật giáo, bởi truyền thống hộ quốc an dân của Phật giáo Việt Nam hình thành từ lâu trong lịch sử dân tộc. Nhiều tấm gương nhập thế tích cực, làm lợi cho đời cho đạo như Thiền sư Khuông Việt, Thiền sư Pháp Thuận, Thiền sư Vạn Hạnh hay Phật hoàng Trần Nhân Tông,... Và ở giai đoạn 1954-1975, trong cách mạng dân tộc dân chủ, có thể thấy sự ủng hộ nhiệt thành của tín đồ Phật giáo, các tổ chức Phật giáo.

Điều này phản ánh sự am hiểu, tầm nhìn xa trông rộng của Chủ tịch Hồ Chí Minh đối với Phật giáo Việt Nam, vai trò của Phật giáo Việt Nam trong cách mạng dân tộc dân chủ. Do đó, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã có những ứng xử vô cùng độc đáo với Phật giáo nước nhà, tạo nhiều thuận lợi cho các tăng ni phát huy vai trò của mình trong công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước. Năm 1947, trong bức thư “Gửi Hội Phật tử Việt Nam”, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ghi nhận những cống hiến cho cách mạng, cho kháng chiến cứu nước; đồng thời Người cũng động viên tín đồ, Phật tử tiếp tục cố gắng trong công cuộc kháng chiến, xây dựng quốc gia độc lập, thống nhất: “Trong cuộc kháng chiến cứu nước, đồng bào Phật giáo đã làm được nhiều. Tôi cảm ơn đồng bào và mong đồng bào cố gắng thêm, cố gắng mãi, cho đến ngày trường kỳ kháng chiến thắng lợi, thống nhất, độc lập thành công” (5). Bởi Người nhận thức rất rõ thực dân Pháp không chỉ muốn cướp nước ta mà còn: “đốt chùa chiền, phá tượng Phật, hành hạ tăng, ni, tàn sát đạo hữu. Chúng hòng phá tan đạo Phật” (5). Khi đất nước bị xâm lược, bị đô hộ thì người dân vị tàn sát, Phật giáo nguy hại. Vì thế, việc phát huy tinh thần nhập thế, hộ quốc an dân của Phật giáo trong bối cảnh lịch sử này không chỉ là phát huy vai trò của Phật giáo trong việc cứu nước cứu dân mà còn

phát huy triệt để tinh thần từ bi hỷ xả của Phật giáo.

Ngoài quyền góp vật chất thì nhiều danh tăng đã phát động phong trào sản xuất, quyền góp ủng hộ cách mạng, đấu tranh bảo vệ chùa chiền, đặc biệt là tham gia tích cực phong trào diệt giặc đói, giặc dốt: “Bên cạnh nhiệm vụ tham gia kháng chiến bảo vệ Tổ quốc, Phật giáo Việt Nam không quên lời dạy của Đức Phật là “duy tuệ thị nghiệp” (lấy trí tuệ làm sự nghiệp) và lời dạy của Bác Hồ là muốn kiến thiết đất nước thì phải diệt được giặc đói, giặc dốt và giặc ngoại xâm. Các nhà sư là những người thầy, ngôi chùa trở thành trường dạy chữ cho nhân dân. Bên cạnh đó, Tăng ni và Phật tử còn tích cực tăng gia sản xuất, ủng hộ kháng chiến chống thực dân Pháp” (6).

Đối với “giặc đói”, nhất là nạn đói năm 1945, nhiều nhà sư, cư sĩ, tiêu biểu như “Thượng tọa Trí Hải, Tố Liên và cư sĩ Thiều Chửu thành lập Tổng hội cứu tế” (7) đã cứu đói cho hàng nghìn người. Đối với “giặc dốt”, có thể kể đến hoạt động của Cư sĩ Thiều Chửu mở nhiều lớp bình dân học vụ tại trường Phật học Cao Phong (Phúc Yên), Hòa thượng Thích Huệ Chiếu mở Phật học đường Thiên Đức và mời nhiều danh tăng giảng dạy, Hội Phật giáo Việt Nam mở Trường Tiểu học Khuông Việt ở chùa Quán Sứ; ở miền Trung Việt Nam, Giáo hội Tăng già Trung Việt và Hội Phật học Việt Nam mở các trường Tiểu học, Trung học Tư thực Bồ Đề, Tiểu học Tư thực Bồ Đề của Giáo hội Tăng già Trung Việt và Hội Phật học Việt Nam được mở đầu tiên tại Huế, sau đó phổ rộng khắp miền Trung; ở miền Nam Việt Nam, Hòa thượng Thích Thiện Hoa mở Phật học đường tại chùa Phật Quang (Vĩnh Long), hay Hòa thượng Thích Trí Tịnh, Thích Quảng Minh,... liên tục mở các Phật học đường nhằm đào tạo tăng tài cho Phật giáo Việt Nam (8) và có thể nói, những hoạt động này là sự tiếp nối phong trào chấn hưng Phật giáo Việt Nam, thức tỉnh nhiều tăng ni, trí thức về bảo vệ nền văn hóa dân tộc và cũng là yếu tố quan trọng trong cách mạng dân tộc dân chủ ở Việt Nam.

Có thể nói, với nhiều hoạt động tích cực ủng hộ kháng chiến của Phật giáo đã được Đảng, Chính phủ ghi nhận. Chủ tịch Hồ Chí Minh từng nhận xét như sau: “Phật giáo Việt Nam với dân tộc như hình với bóng, tuy hai mà một. Tôi mong các Hòa thượng, Tăng, Ni và Phật tử hãy tích cực thực hiện tinh thần Từ bi, Vô ngã, Vị tha trong sự nghiệp cứu nước, giữ nước và giữ đạo để cùng toàn dân sống trong Độc lập, Tự do, Hạnh phúc” (9).

1.2 Xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc

Từ truyền thống lịch sử cho thấy, Phật giáo Việt Nam đã có bề dày gắn kết với lịch sử dân tộc Việt Nam. Từ thời Đinh - Tiền Lê, thời Lý - Trần,... Phật giáo Việt Nam luôn là nơi gắn kết, vun bồi tinh thần đoàn kết dân tộc. Chúng ta thấy rõ

vai trò của Phật giáo ở thời Trần (1225-1400) trong việc xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc trong 03 lần đánh thắng quân giặc Nguyên Mông xâm lược. Ở giai đoạn 1945-1975, vai trò của Phật giáo được phát huy cao độ trong việc xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc. Trên phương diện này, có thể thấy nhận định của Hoà thượng Thích Minh Nguyệt – Hội trưởng Hội Phật giáo cứu quốc Nam bộ rất tiêu biểu: “Phật giáo Việt Nam chỉ bền vững và có ý nghĩa khi đã biết gắn mình vào với dân tộc Việt Nam, hòa mình trong cộng đồng dân tộc Việt Nam, không thể khép kín hoặc tách rời cộng đồng đó. Đứng trước họa xâm lăng đương đe dọa Tổ quốc, người Phật tử không thể ngồi yên gõ mõ tụng kinh cầu nguyện, mặc cho kẻ thù đem súng đến tàn sát những người ruột thịt của mình. Có ý thức như vậy và hành động như vậy, Tăng ni, Phật tử mới thể hiện đúng tinh thần “vô ngã vị tha” của đức Phật, nghĩa là người Phật tử luôn quên mình cứu độ chúng sinh” (10).

Có thể thấy, trong giai đoạn 1955-1975, có nhiều hoạt động của Phật giáo Việt Nam đã thể hiện rõ tinh thần xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc... Trước hết, Phật giáo cùng với các tôn giáo khác là nơi quy tụ các tầng lớp nhân dân có đạo hoặc chưa có đạo thành một khối thống nhất, cùng chung tay xây dựng khối đại đoàn kết, tạo thành sức mạnh to lớn trong kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ. Bất kể đồng bào theo Phật giáo hay Công giáo, nếu là người Việt Nam thì cần phải đoàn kết, bởi cách mạng dân tộc dân chủ không phải là chuyện riêng của mỗi cá nhân mà là của dân tộc. Do đó, nhiều tín đồ, Phật tử đã hưởng ứng tích cực lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh về đoàn kết dân tộc: “Lương giáo đoàn kết, toàn dân đoàn kết, cả nước một lòng, nhân dân ta nhất định sẽ thắng lợi trong công cuộc đấu tranh thực hiện hòa bình thống nhất Tổ quốc và xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh” (11) hay “Dân ta xin nhớ chữ đồng: Đồng tình, đồng sức, đồng lòng, đồng minh” (12),... Bởi hơn ai hết, Chủ tịch Hồ Chí Minh ý thức sâu sắc sức mạnh của đoàn kết dân tộc: “Để mười lần không dân cũng chịu, khó trăm lần dân liệu cũng xong” (13). Nói cách khác, trong cách mạng dân tộc dân chủ ở Việt Nam: “Dân chúng công nông là gốc cách mệnh” (14). Như thế, đại đoàn kết chính là nguyên tắc, đồng thời là cơ tầng căn bản tạo nên sức mạnh dân tộc, đưa cách mạng dân tộc dân chủ ở Việt Nam đến chiến thắng.



(Ảnh: Internet)

Trên phương diện này, bên cạnh tư tưởng từ bi hỷ xả, tinh thần nhập thế thì tư tưởng “lục hoà” của Phật giáo được xem là một trong những thành tố quan trọng trong việc xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc. Các danh tăng, tổ chức Phật giáo đã vận dụng tư tưởng này trong việc đoàn kết tôn giáo, quy tụ những người dân có cảm tình với Phật giáo trong một khối thống nhất. Bên cạnh đó, tư tưởng lục hòa còn được Chủ tịch Hồ Chí Minh vận dụng, phát huy trong từng bối cảnh và đạt kết quả quan trọng. Động viên các tôn giáo đoàn kết, nội bộ các tôn giáo đoàn kết, cùng với nhân dân chung tay xây dựng thành một khối vững chắc và là lực lượng cách mạng đủ sức chống lại mọi kẻ thù. Người nhắc: “cách mạng giành thắng lợi thì người giàu, người nghèo, quý tộc và nông dân, Hồi giáo và Phật giáo, đều hợp sức đoàn kết” (15).

Trong giai đoạn kháng chiến chống đế quốc Mỹ, đặc biệt là những sự kiện/biến cố liên quan đến Phật giáo năm 1963 đều do chính quyền Ngô Đình Diệm tiến hành. Chính quyền này đã cho quân lính đốt phá chùa chiền, khủng bố tăng ni cùng người dân có cảm tình với Phật giáo. Có thể nói, những biến cố Phật giáo năm 1963 được xem là pháp nạn Phật giáo Việt Nam hoặc xem là phong trào Phật giáo 1963 đấu tranh đòi quyền tự do, bình đẳng tôn giáo của các tín đồ Phật giáo ở miền Nam Việt Nam. Đây là phong trào đấu tranh “bất bạo động”, chủ yếu bằng hình thức biểu tình, tuyệt thực và đỉnh cao là sự kiện Hoà thượng Thích Quảng Đức tự thiêu (16) đòi quyền tự do, bình đẳng tôn giáo của tín đồ Phật giáo Việt Nam, và là nguyên nhân sâu xa dẫn đến sự sụp đổ của chính quyền Ngô Đình Diệm, gây tiếng vang trên toàn thế giới.

Trước các hành động đàn áp Phật giáo ở miền Nam Việt Nam của chính quyền Ngô Đình Diệm, Chủ tịch Hồ Chí Minh thay mặt Đảng, Chính phủ tiếp tục kêu gọi

tăng ni, Phật tử: “Đã đoàn kết thì càng đoàn kết hơn để góp phần xây dựng hoà bình chóng thắng lợi. Hãy ra sức giúp đỡ cán bộ, hăng hái thực hiện mọi công tác của Chính phủ, chấp hành đúng chính sách tôn trọng tự do tín ngưỡng, ngăn chặn âm mưu của Mỹ - Diệm và bọn tay sai lợi dụng tôn giáo hòng chia rẽ khối đoàn kết toàn dân, hãy ra sức đấu tranh giành thống nhất đất nước” (17).

2. Tham gia cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ

Có thể nói, rất nhiều tăng ni tham gia kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ. Chẳng hạn, ở miền Bắc, Chiến khu Đông Triều được thành lập ngày 8/6/1945 thì “tất cả tăng ni và tín đồ ở các chùa thuộc dải núi Yên Tử đều tham gia khởi nghĩa chống phát xít Nhật” (18); đối với Phật giáo miền Trung Việt Nam: “Hầu hết các tăng sĩ trẻ tuổi được các Phật học viện Huế, Bình Định đào tạo đều tham gia vào phong trào Cứu quốc, xây dựng chính quyền cách mạng như Thích Trí Quang – phụ trách Phật giáo cứu quốc tỉnh Quảng Bình; Thích Thiện Minh – phụ trách Phật giáo cứu quốc tỉnh Quảng Trị; Thích Huyền Quang – phụ trách Phật giáo cứu quốc tỉnh Bình Định,...” (19). Hay ở Nam bộ, “Ngày 23-9-1945, thực dân Pháp núp bóng quân Anh trở lại tước khí giới quân Nhật để tái chiếm Sài Gòn – Chợ Lớn. Một số tu sĩ thoát ly vào bưng biển tham gia kháng chiến. Lực lượng dân quân thực hiện chủ trương tiêu thổ kháng chiến để cản trở quân địch. Nhiều tự viện nổi tiếng như Long Thạnh (Bà Hom) tín đồ tự phá hủy” (20).

Nhìn chung, phần lớn các ngôi chùa trên khắp cả nước trong thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp là cơ sở cách mạng, nhiều ngôi chùa là nơi dự trữ lương thực, nuôi giấu cán bộ. Có thể kể đến chùa Quảng Quá, chùa Linh Quang (Hà Nội), chùa Trại Sơn, chùa Vũ Lao (Hải Phòng),...nhiều ngôi chùa còn là sở chỉ huy kháng chiến, tiêu biểu như chùa Hoa Sơn (Ninh Bình) là nơi đặt sở chỉ huy chiến dịch Quang Trung và Tây Nam Ninh Bình. Nhiều ngôi chùa là nơi sản xuất vũ khí cho bộ đội như chùa Bích Động là xưởng sản xuất chế tạo vũ khí. Hay ở chùa Diều (Hưng Yên): “năm 1953, bộ đội từ ngôi chùa này bất thần xuất kích bắn cháy hai xe vận tải quân sự, bắt sống quan hai Pháp Gromba và tóm gọn một trung đội của địch. Về sau, quân Pháp trả thù bằng cách thiêu cháy toàn bộ ngôi chùa chỉ còn tháp mộ nhà sư” (21).

Phong trào tham gia kháng chiến như đã nói phần nào ở trên có độ phổ rộng khắp các tỉnh thành và đã có nhiều tăng ni tham gia chiến đấu trên chiến trường. Tiêu biểu là ngày 27/02/1947, tại chùa Cổ Lễ (Trực Ninh, Nam Định) Hội Phật giáo cứu quốc tỉnh Nam Định, cùng đại diện chính quyền tỉnh đã long trọng

tổ chức làm lễ tiễn 27 nhà sư phát nguyện “cởi áo cà sa ra trận”, trong đó có 02 Ni sư. Trước khi lên đường nhập ngũ, Ni sư Đàm Thành đã viết bài thơ như sau:

Cởi áo cà sa khoác chiến bào

Việc quân đâu có quản gian lao

Gậy thiền quét sạch loài xâm lược

Theo gót Trưng Vương tổ nữ hào (22)

Họ là những người lính lập nhiều chiến công, 12 vị đã hy sinh anh dũng, một số vị tiếp tục con đường binh nghiệp, trở thành sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam và một số vị sau đó trở về tiếp tục tu hành. Hay sự kiện 15 nhà sư thuộc Bộ đội Tăng già (Thuỷ Nguyên, Hải Phòng) đã tình nguyện nhập ngũ, tiếp đó là 60 ni sư (Hoa Lư, Ninh Bình) đảm nhiệm công tác tiếp tế, tuần tra, là y tá trong các đơn vị chiến đấu,... Họ là những tấm gương tiêu biểu trong việc tham gia chống thực dân Pháp, thể hiện tinh thần dẫn thân vì dân tộc của Phật giáo Việt Nam. Song, cũng có nhiều nhà sư hoạt động cách mạng, tham gia kháng chiến đã bị thực dân Pháp bắt giam ở nhà tù Hoả Lò (23). Trong khi đó, ở miền Trung Việt Nam, nhiều danh tăng như Hoà thượng Thích Trí Thủ, Thích Mật Thể,... đã tham gia Mặt trận Việt Minh. Song song với đó là thành lập Hội Phật giáo cứu quốc Trung Bộ ở nhiều địa phương và có sự kết hợp với Đoàn Phật học Đức Dục (24) hoạt động vì kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược: “Phật giáo cứu quốc Trung Bộ dù ở chiến khu hay vùng tạm chiếm, nội thánh, bạo động hay bất bạo động, họ vẫn tiếp tục đấu tranh. Người thì vào dân quân du kích bảo vệ xóm làng, hoặc lên đường nhập ngũ tham gia chiến đấu trên các chiến trường. Người thì trực tiếp vận chuyển lương thực, thuốc men,...” (25); Ở miền Nam Việt Nam, Hội Phật giáo cứu quốc Nam bộ được thành lập năm 1947. Hội đã bầu Hoà thượng Thích Minh Nguyệt làm hội trưởng. Tổ chức Phật giáo này đã xác định đường hướng gắn mình/hoà mình với dân tộc. Do đó, chủ trương tín đồ, Phật tử “không thể ngồi yên gõ mõ tụng kinh cầu nguyện”, mà cần phải có ý thức, những hành động cụ thể vì dân tộc: “nghĩa là người Phật tử luôn quên mình cứu độ chúng sinh” (26). Phật giáo cứu quốc Nam bộ cũng có rất nhiều tăng ni tham gia kháng chiến. Hoà thượng Tam Không cho rằng: “Phật giáo đồ Nam bộ đã khai sát giới, gia nhập Vệ quốc quân và dân quân, cầm súng, mang dao, giết giặc trừ gian. Đặc biệt tỉnh Bạc Liêu, số hội viên Phật giáo cứu quốc chỉ hơn 5.000 mà đã sung vào dân quân đến 1.500 người. Ngoài ra còn có nhiều nhà sư cùng với Vệ quốc quân ba khu Nam bộ đền nợ nước tại chiến trường” (27).



(Ảnh: Internet)

Nhìn chung, trong thời kỳ đánh đế quốc Mỹ, nhất là năm 1965, đế quốc Mỹ tiến hành leo thang phá hoại miền Bắc thì có nhiều tự viện bị bom phá hủy, song có nhiều tự viện là nơi sơ tán của của các cơ quan, đơn vị. Bên cạnh đó, có nhiều nhà sư tham gia chiến đấu, tiêu biểu như nhà sư Đàm Xuân khi thấy mâm pháp không còn lá cây ngụy trang nên đã lấy cà sa của mình phủ lên mâm pháp. Sư đã được Chủ tịch Hồ Chí Minh trao tặng huy hiệu của Người,... Với Phật giáo miền Nam, sự kiện Phật giáo năm 1963 đã bắt bớ nhiều tăng ni và đốt phá nhiều tự viện do các hoạt động tham gia cách mạng, kháng chiến như chùa Giác Viên, chùa Phật Ấn,... Hòa thượng Thích Minh Nguyệt, Huệ Chí, Hoàng Minh,... bị bắt và đày ra Côn Đảo. Tuy nhiên, đáng chú ý là ngoài các nhà sư tham gia kháng chiến chống đế quốc Mỹ như Hòa thượng Thích Đôn Hậu, Hòa thượng Thích Thiện Hoa, Cư sĩ Chánh Trí Mai Thọ Truyền,... thì giai đoạn này thành lập “Hội đoàn kết sư sãi yêu nước” năm 1964 trên cơ sở Đại hội đại biểu sư sãi 06 tỉnh miền Tây Nam Bộ,... Bên cạnh đó là vào giai đoạn này, kết quả từ phong trào chấn hưng Phật giáo ở Việt Nam đã đem lại nhiều kết quả. Nhiều nhà sư là nhà giáo, phát động nhiều phong trào sản xuất, ủng hộ lương thực cho cách mạng, cho kháng chiến. Sâu xa hơn, phong trào chấn hưng Phật giáo thực sự đã thức tỉnh nhiều trí thức Phật giáo, tạo tiền đề cho Phật giáo tiếp tục nhập thế và có vai trò quan trọng hơn trong cách mạng dân tộc dân chủ ở Việt Nam thời kỳ 1945-1975: “âm thầm giữ gìn đạo mạch trong cơn binh lửa và ủng hộ Chính phủ kháng chiến Hồ Chí Minh” (28). Ngoài ra, trên phương diện này, ở miền Bắc, dưới sự lãnh đạo của các danh tăng, tiêu biểu như Hoà thượng Phạm Thế Long, Tâm An, Thanh Chân “đã tiến hành nhiều hoạt động hướng về Nam

Bộ như gửi thư động viên tinh thần chiến đấu, quyền tiền ủng hộ đoàn quân Nam tiến, ủng hộ Quỹ Kháng chiến Nam Bộ, tổ chức truy điệu chiến sĩ trận vong Nam Bộ, hiến máu nhân đạo hướng về Nam Bộ” (29).

Có thể nói, vai trò của Phật giáo trong cách mạng dân tộc dân chủ ở Việt Nam giai đoạn 1945-1945 rất quan trọng, và có thể thấy rõ qua sự đoàn kết, ủng hộ, tham gia tích cực vào cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ: “Thực tế lịch sử cho thấy, ngoại trừ thiếu số trong một không gian và thời gian nhất định nào đó, nhìn chung Phật giáo Việt Nam luôn đồng hành cùng dân tộc. Khi Tổ quốc lâm nguy, nhiều Phật tử sẵn sàng “cởi cà sa, khoác chiến bào” (30). Tuy nhiên, Phật giáo Việt Nam trong giai đoạn này còn có nhiều đóng góp quan trọng khác, và do đó vai trò của Phật giáo Việt Nam cũng được thể hiện sâu rộng hơn trên các lĩnh vực khác nữa. Điều này cho thấy sự tiếp nối tinh thần nhập thế của Phật giáo Việt Nam.

3. Đôi lời tạm kết

Có thể nói, vai trò của Phật giáo trong cách mạng dân tộc giai đoạn 1945-1975 đã để lại những bài học kinh nghiệm quý báu cho Phật giáo Việt Nam và cách mạng Việt Nam. Phật giáo muốn trường tồn phải gắn bó đồng hành cùng dân tộc. Cách mạng Việt Nam thành công phải lấy đại đoàn kết dân tộc làm căn bản, trong đó, đoàn kết tôn giáo là quan trọng và Phật giáo có vai trò điểm tựa, cầu nối tinh thần đoàn kết, giúp cho tín đồ, Phật tử và nhân dân giữ vững niềm tin vào sự nghiệp cách mạng do Đảng, Chính phủ lãnh đạo.

Trong giai đoạn 1945-1975, Phật giáo Việt Nam đã đóng một vai trò quan trọng, đó là phát huy tinh thần yêu nước, tinh thần đoàn kết dân tộc, tham gia kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược và đã có những đóng góp to lớn cho cách mạng Việt Nam. Và có thể nói, còn nhiều hoạt động của tín đồ Phật giáo Việt Nam giai đoạn 1945- 1975 vẫn là những đóng góp thầm lặng, nhưng luôn là mạch nguồn nuôi dưỡng tình cảm, tinh thần dân tộc Việt Nam trong quá khứ và hiện tại.

Tác giả: **TS.Nguyễn Văn Quý**

Tham luận tại Hội thảo khoa học "Đạo Phật Với Cách Mạng Việt Nam" tổ chức ngày 25/08/2025, tại chùa Quán Sứ, Hà Nội

Chú thích:

1) Ngoài ra, tư tưởng tự do tín ngưỡng tôn giáo còn thể hiện ở Chính cương của Mặt trận Liên Việt, ở điểm 1 điều thứ 7 khẳng định: “tôn trọng quyền tự do tín

ngưỡng, tự do thờ cúng của mọi người”. Điều 8 trong Chính cương của Đảng Lao động Việt Nam, cũng khẳng định: “tôn trọng và bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng của mọi người dân”.

2) Sắc lệnh 234/SL do Chủ tịch Hồ Chí Minh ký ngày 14/6/1955 về vấn đề tôn giáo gồm 5 chương và 16 điều

3) Nguyễn Đại Đồng (2014), “Tính chất và đặc điểm của Phật giáo Việt Nam trong kháng chiến chống Pháp”, Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo, số 9, tr82

4) Nguyễn Đại Đồng (2014), “Tính chất và đặc điểm của Phật giáo Việt Nam trong kháng chiến chống Pháp”, Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo, số 9, tr80-81

5) Hồ Chí Minh (1972), Về Mặt trận dân tộc thống nhất, Nxb. Sự thật, Hà Nội, tr.39-50.

6) Nguyễn Đại Đồng (2014), “Tính chất và đặc điểm của Phật giáo Việt Nam trong kháng chiến chống Pháp”, Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo, số 9, tr82

7) Nguyễn Đại Đồng (2012), Phật giáo Việt Nam từ khởi nguyên đến 1981, Nxb. Văn học, Hà Nội, tr260

8) Xin xem cụ thể ở: Thành hội Phật giáo Thành phố Hồ Chí Minh (2001), Biên niên sử Phật giáo Gia Định - Sài Gòn - Thành phố Hồ Chí Minh, Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh.

9) Chủ tịch Hồ Chí Minh với Phật giáo, Nxb tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, 2011, tr 167.

10) Ủy ban Khoa học xã hội Việt Nam, Viện triết học (1986), Mấy vấn đề Phật giáo và lịch sử tư tưởng Việt Nam, Hà Nội, tr47

11) Hồ Chí Minh (2011), Hồ Chí Minh toàn tập, tập 14, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, tr384.

12) Hồ Chí Minh (2011), Hồ Chí Minh toàn tập, tập 3, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, tr 243.

13) Hồ Chí Minh (2011), Hồ Chí Minh toàn tập, Tập 15, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, tr280

14) Hồ Chí Minh (2011), Hồ Chí Minh toàn tập, Tập 2, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, tr 297

15) Hồ Chí Minh (2011), Hồ Chí Minh toàn tập, tập 1, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.56.

16) Nguyễn Lang, trong Phật giáo sử luận cho biết, ngày 27 tháng 5 năm 1963, Hoà thượng Thích Quảng Đức viết một lá thư cho Giáo hội Tăng già Toàn quốc tình nguyện tự thiêu để phản đối chính quyền. Song, ý định này của Ngài đã bị Giáo hội từ chối. Theo một nguồn khác, các chư tăng họp tại chùa Ấn Quang đã quyết định để Ngài thực hiện sứ mệnh quan trọng này,... Xin xem: Nguyễn Lang (2000), Việt Nam Phật giáo sử luận, Nxb. Văn học, Hà Nội, tr.1058 - 1059

17) Hồ Chí Minh (2011), Hồ Chí Minh toàn tập, tập 10, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.473.

18) Nguyễn Đại Đồng (2012), Phật giáo Việt Nam từ khởi nguyên đến 1981, Nxb. Văn học, Hà Nội, tr.261

19) Nguyễn Đại Đồng (2012), Phật giáo Việt Nam từ khởi nguyên đến 1981, Nxb. Văn học, Hà Nội, tr.268

20) Nguyễn Đại Đồng (2012), Phật giáo Việt Nam từ khởi nguyên đến 1981, Nxb. Văn học, Hà Nội, tr.269

21) Nguyễn Đại Đồng (2014), “Tính chất và đặc điểm của Phật giáo Việt Nam trong kháng chiến chống Pháp”, Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo, số 9, tr.80

22) Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Hà Nam Ninh (1986), Hà Nam Ninh: lịch sử kháng chiến chống thực dân Pháp, tr.110

23) Xin xem: Ủy ban Khoa học xã hội Việt Nam, Viện Triết học (1986), Mấy vấn đề Phật giáo và lịch sử tư tưởng Việt Nam, Hà Nội, tr. 47.

24) Sau này là Gia đình Phật tử

25) Nguyễn Đại Đồng (2012), Phật giáo Việt Nam từ khởi nguyên đến 1981, Nxb. Văn học, Hà Nội, tr.279

26) Xin xem: Ủy ban Khoa học xã hội Việt Nam, Viện triết học (1986), Mấy vấn đề Phật giáo và lịch sử tư tưởng Việt Nam, Hà Nội, tr.47

27) Dẫn lại từ: Nguyễn Đại Đồng (2012), Phật giáo Việt Nam từ khởi nguyên đến 1981, Nxb. Văn học, Hà Nội, tr.281-282

28) Lê Tâm Đắc (2012), Phong trào chấn hưng Phật giáo ở miền Bắc Việt Nam (1924-1954), Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr. 280.

29) Nguyễn Đại Đồng (2014), “Tính chất và đặc điểm của Phật giáo Việt Nam trong kháng chiến chống Pháp”, Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo, số 9, tr78

30) Lê Tâm Đắc (2012), Phong trào chấn hưng Phật giáo ở miền Bắc Việt Nam (1924-1954), Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr267

Tài liệu tham khảo:

1] Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Hà Nam Ninh (1986), Hà Nam Ninh: lịch sử kháng chiến chống thực dân Pháp, Tài liệu lưu hành nội bộ

2] Chủ tịch Hồ Chí Minh với Phật giáo, Nxb tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, 2011

3] Lê Tâm Đắc (2012), Phong trào chấn hưng Phật giáo ở miền Bắc Việt Nam (1924-1954), Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội

4] Nguyễn Đại Đồng (2012), Phật giáo Việt Nam từ khởi nguyên đến 1981, Nxb. Văn học, Hà Nội

5] Nguyễn Đại Đồng (2014), “Tính chất và đặc điểm của Phật giáo Việt Nam trong kháng chiến chống Pháp”, Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo, số 9

6] Hồ Chí Minh (1972), Về Mặt trận dân tộc thống nhất, Nxb. Sự thật, Hà Nội

7] Hồ Chí Minh (2011), Hồ Chí Minh toàn tập, tập 1, 2, 3, 10, 14, 15, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội

8] Nguyễn Lang (2000), Việt Nam Phật giáo sử luận, Nxb. Văn học, Hà Nội

9] Thành hội Phật giáo Thành phố Hồ Chí Minh (2001), Biên niên sử Phật giáo Gia Định - Sài Gòn - Thành phố Hồ Chí Minh, Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh

10] Sắc lệnh 234/SL do Chủ tịch Hồ Chí Minh ký ngày 14/6/1955 về vấn đề tôn giáo

11] Ủy ban Khoa học xã hội Việt Nam, Viện triết học (1986), Mấy vấn đề Phật giáo và lịch sử tư tưởng Việt Nam, Hà Nội